TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **33**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 01-10-2019
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH-TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Đính

2. Ông Nguyễn Việt Thành

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- ***Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa***: ông Nguyễn Văn Toản - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 01 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 171/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019, Về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2019/QĐXX-ST ngày 06/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị L, sinh năm: 1979; Địa chỉ cư trú: Tổ 8, ấp 3B, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Trọng T, sinh năm: 1977; Địa chỉ cư trú: Tổ 8, ấp 3B, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 04 tháng 6 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Đỗ Thị L trình bày:

Bà Đỗ Thị L và Ông Lê Trọng T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003 có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại: Ấp 3B, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, Ông T thường nhậu nhẹt về mắng chửu vợ con, vợ chồng thường cải vã, cuộc sống rất áp lực nên vợ chồng tự sống ly thân từ đầu năm

2017 đến nay. Nay Bà L xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên xin được ly hôn với Ông Lê Trọng T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung Lê Trọng M, sinh năm: 2004 và Lê Thị Hoàng Y, sinh năm: 2006. Bà L không yêu cầu giải quyết giao nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, để vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn Ông Lê Trọng T trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Về hôn nhân: Ông T không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của Bà L, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Ông T và Bà L mâu thuẫn đã tự sống ly thân từ 3 năm nay, mạnh ai nấy sống, không quan tâm nhau

Về con chung: Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, 2 con chung sống với Ông T nên Ông T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết việc giao nuôi con chung khi giải quyết vụ án ly hôn.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, để vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Bà Đỗ Thị L, Bị đơn ông Lê Trọng T đều vắng mặt có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Việc chấp hành theo quy định của pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS;

Về việc chấp hành theo quy đinh pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm;

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1, điều 28, điểm a, khoản 1, điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 227, điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 9, 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27, Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: cho Bà L được ly hôn với Ông T, Bà L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án *"Ly hôn"* do nguyên đơn Bà Đỗ Thị L khởi kiện đối với bị đơn Ông Lê Trọng T có nơi cư trú tại: Ấp 3B, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều

39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[2].Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn Bà L và bị đơn ông Lê Trọng T vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà L, Ông T theo quy định tại điều 227, điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[3].Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Đỗ Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1].Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị L và Ông Lê Trọng T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003 có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối. Việc kết hôn là do hai người hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đe dọa, lừa dối. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống thì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn theo Bà L thì nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, Ông T thường nhậu nhẹt nên vợ chồng thường cải vã nhau. Theo Ông T vợ chồng tự sống ly thân từ năm 2015 đến nay mỗi người tự sống riêng, mạnh ai nấy sống, không quan tâm nhau nhưng Ông T không có ý kiến với yêu cầu xin ly hôn của Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tổ chức hòa giải để vợ chồng Ông T, Bà L đoàn tụ nhưng Ông T không tham gia phiên hòa giải, có thái độ bỏ mặc, không có ý muốn vợ chồng đoàn tụ. Theo biên bản xác minh của Tòa án thì Ông T và Bà L đã mâu thuẫn khoảng hơn 2 năm nay, hiện đã sống ly thân với nhau. Do đó xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa Bà L và Ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên cần chấp nhận yêu cầu của Bà L, cho Bà Đỗ Thị L được ly hôn với Ông Lê Trọng T.

[2.2].Về con chung: Có 02 con chung Lê Trọng M, sinh năm: 2004 và Lê Thị Hoàng Y, sinh năm: 2006, tuy nhiên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết giao nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3].Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung không nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4].Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do Bà L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 264, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm

2015; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án ngày 21/12/2016.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Đỗ Thị L.

Cho Bà Đỗ Thị L được ly hôn với Ông Lê Trọng T.

2. *Về án phí sơ thẩm:* Bà Đỗ Thị L phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0003590 ngày 06/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh – VKSND tỉnh;*
- *VKSND huyện Chơn Thành;*
- *Cơ quan THADS huyện Chơn Thành;*
- *UBND xã M, huyện C, Tỉnh Bình Phước;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS+VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hà